

Số: *2479* /BC-BKHCHN

Hà Nội, ngày *10* tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ
(SỬA ĐỔI)

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập *Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 22/01/2021).

Ngày 30/8/2021, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Theo Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) được giao chủ trì thực hiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử (NLNT).

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW (kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021). Thực hiện nhiệm vụ được Kế hoạch giao, Bộ KH&CN đã tiến hành nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật NLNT 2008 và báo cáo Chính phủ (Báo cáo số 684/BC-BKHCHN ngày 31/3/2023). Trên cơ sở Báo cáo này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ KH&CN trình Chính phủ Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi) (Công văn số 2850/VPCP-PL ngày 08/5/2022).

Chính phủ cũng đã đề nghị đưa Luật NLNT 2008 (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2026 (Báo cáo số 277/BC-CP ngày 16/8/2022 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024: Tại Phụ lục IV. *Một số nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, lĩnh vực năm 2024* ban hành kèm theo Nghị quyết, Mục II. *Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa*

thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, Bộ KH&CN được giao Nhiệm vụ số 61 về lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi), tiến độ trình Chính phủ tháng 7/2024.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Trên cơ sở những căn cứ này, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chi tiết lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi) (kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2023), trong đó, Bộ KH&CN đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách của Đề nghị xây dựng Luật với các nội dung chính sau đây:

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

I. BỐI CẢNH LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ NĂM 2008 (LUẬT NLNT)

Luật Năng lượng nguyên tử được Quốc hội Khóa XII (kỳ họp 3) thông qua ngày 03/6/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018) và Luật Phòng thủ dân sự (Luật số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023). Luật NLNT bao gồm 11 Chương, 93 Điều, quy định về các hoạt động trong lĩnh vực NLNT và các yêu cầu bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân cho các hoạt động đó. Luật NLNT áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực NLNT tại Việt Nam. Với vai trò là đạo luật gốc trong lĩnh vực chuyên ngành đặc thù, Luật NLNT đã thể chế hoá chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong phát triển ứng dụng NLNT phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, hội nhập quốc tế phù hợp với điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ.

Các chính sách phát triển ứng dụng NLNT, bảo đảm an toàn, an ninh đã được thể chế hóa bằng pháp Luật NLNT, bao gồm:

(1) Đẩy mạnh phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học công nghệ (KH&CN).

(2) An toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân.

(3) Quản lý cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân.

(4) Thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ.

(5) Quản lý vận chuyển và nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân.

(6) Phát triển dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

(7) Khai báo và cấp phép.

(8) Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

(9) Bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân.

Phát triển ứng dụng NLNT về cơ bản bao gồm hai cấu phần chính là: (1) phát triển năng lượng (điện) hạt nhân và (2) phát triển ứng dụng năng lượng bức xạ (ứng dụng bức xạ).

Về *phát triển điện hạt nhân*: cụ thể hóa đường lối của Đảng, Chính phủ đã trình Quốc hội khóa XII thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận (Nghị quyết số 41/2009/QH12 ngày 25/11/2009). Trong giai đoạn 2010-2015, các công tác chuẩn bị cho việc xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận đã được tích cực chuẩn bị, bao gồm việc ban hành hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân, chương trình đào tạo nhân lực về công nghệ nhà máy điện hạt nhân và an toàn hạt nhân tập trung tại 05 trường đại học lớn của đất nước, đồng thời đã gửi hơn 400 sinh viên đi đào tạo tại Liên bang Nga, một số tại Nhật Bản (là hai đối tác quốc tế của dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2) nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc triển khai dự án điện hạt nhân này. Tuy nhiên, vì một số lý do, ngày 22/11/2016 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 31/2016/QH14 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

Ứng dụng bức xạ đã được triển khai ở Việt Nam cách đây hơn một thế kỷ, kể từ ngày thành lập Viện Radium Đông Dương tại Hà Nội ngày 19/10/1923 với máy chụp X-quang và nguồn phóng xạ Ra-đi điều trị ung thư. Trong hơn 20 năm trở lại đây ứng dụng bức xạ ở nước ta đã phát triển mạnh mẽ, đóng góp hiệu quả trong phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở một số lĩnh vực then chốt như công nghiệp, y tế, nông nghiệp và tài nguyên môi trường. Hiện nay, theo thống kê, trên cả nước có khoảng 1.900 cơ sở bức xạ, một số cơ sở hạt nhân trực thuộc Viện NLNT Việt Nam trong đó Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đang quản lý, vận hành an toàn 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 500 kW ứng dụng cho nghiên cứu vật lý hạt nhân, vật lý bức xạ, kỹ thuật phân tích hạt nhân và đặc biệt sản xuất một số đồng vị phóng xạ cho y tế. Việt Nam đang nghiên cứu triển khai

dự án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu khoa học và công nghệ hạt nhân (CNST) với lò phản ứng nghiên cứu đa mục tiêu công suất 10 MW, dự kiến địa điểm tại Long Khánh, Đồng Nai.

Chính phủ tiếp tục khẳng định chính sách coi trọng ứng dụng NLNT vào việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập *Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 22/01/2021).

Trong thời gian qua, Luật NLNT đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong lĩnh vực NLNT. Nhìn chung, Luật này đã góp phần thúc đẩy sự phát triển KH&CN nói chung và lĩnh vực NLNT nói riêng, bảo đảm an toàn, an ninh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình.

Cùng với sự phát triển của ứng dụng NLNT, bên cạnh lợi ích to lớn, chúng ta cũng phải đối mặt với các thách thức, nguy cơ liên quan đến quản lý an toàn, an ninh các nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, chiếu xạ y tế và công nghiệp, khai thác và chế biến quặng phóng xạ, quản lý chất thải thải phóng xạ; các yêu cầu tăng cường năng lực chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân (bao gồm cả sự cố xuyên biên giới); tuân thủ các cam kết về không phổ biến hạt nhân, chống buôn bán, vận chuyển trái phép vật liệu phóng xạ, vật liệu hạt nhân; tuân thủ yêu cầu về thanh sát hạt nhân với Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA).

Đây không chỉ là vấn đề của riêng đất nước, mà còn là vấn đề toàn cầu, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng và đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế về NLNT, an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân.

II. CÁC BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG QUY ĐỊNH CỦA LUẬT NLNT

Trong hơn 15 năm triển khai thực hiện, bên cạnh vai trò, tác động và đóng góp lớn của Luật NLNT trong việc hình thành công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn, an ninh, thúc đẩy sự phát triển bền vững ứng dụng NLNT vì hòa bình, tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì một số quy định pháp luật về NLNT đã bộc lộ bất cập, hạn chế về yêu cầu quản lý, sự đồng bộ với một số luật mới ban hành và sự phù hợp với các yêu cầu, hướng dẫn mới của IAEA; phát sinh sự chồng chéo trong chức năng quản lý của một số bộ ngành; một số quy định thiếu tính khả thi; chưa đáp ứng hoặc theo kịp sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ. Vì vậy, Luật NLNT 2008 cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

II.1 Các quy định còn thiếu:

- a) Quy định về thanh sát hạt nhân:

Điều 10 Luật NLNT quy định về Kiểm soát hạt nhân, thực chất là quy định về *thanh sát hạt nhân*. Trong thời gian qua Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ theo Hiệp định Thanh sát, các hoạt động liên quan đều sử dụng thuật ngữ *thanh sát hạt nhân (Nuclear safeguards)* – là thuật ngữ chuẩn của IAEA. Tuy nhiên, tại thời điểm xây dựng dự thảo Luật có những ý kiến khác nhau về việc sử dụng thuật ngữ này. Vì vậy, thuật ngữ *thanh sát hạt nhân* đã được thay bằng thuật ngữ *kiểm soát hạt nhân*. Việc sử dụng “*kiểm soát hạt nhân*” đã bộc lộ bất cập, vì có thể hiểu *kiểm soát hạt nhân (nuclear control)* gồm cả an toàn hạt nhân, an ninh nhân. Vì vậy, cần trở lại sử dụng thuật ngữ *thanh sát hạt nhân* một cách đúng nghĩa theo thông lệ quốc tế, đồng thời trong Luật NLNT (sửa đổi) cần thiết kể một Chương riêng về thanh sát hạt nhân.

b) Quy định về chính sách quốc gia dài hạn về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng

Quy định trách nhiệm quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, cơ sở lưu giữ quốc gia, kho nguồn phóng xạ quốc gia cùng với nguồn và cơ chế bảo đảm tài chính (phí, quỹ) cho việc quản lý tập trung, chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ ngoài sự quản lý, cùng với cơ quan có thẩm quyền quy định cơ chế bảo đảm tài chính này.

c) Quy định về thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực NLNT

Luật NLNT hiện hành mới chỉ có 01 khoản giao trách nhiệm cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền (Khoản 4 Điều 8). Tuy nhiên theo thông lệ về bố cục của Luật Việt Nam và hướng dẫn của IAEA (Sổ tay Luật Hạt nhân năm 2010) thì cần có các quy định chi tiết về thẩm quyền của cơ quan thanh tra, thanh tra viên nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù, phản ứng nhanh của cơ quan thanh tra trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

d) Quy định về ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân

- Trách nhiệm của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Mối quan hệ giữa kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh và kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia. Việc tích hợp kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở vào kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh vào kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia.

- Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân xuyên biên giới.

e) Quy định cơ chế thực hiện các điều ước quốc tế về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam đã tham gia (quy định nội luật hóa)

II.2. Các quy định chưa hoặc không còn phù hợp:

a) Quy định về chính sách tập trung đầu tư, tạo điều kiện phát triển điện hạt nhân (Khoản 1 Điều 5) chưa phù hợp hoàn toàn với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước hiện nay là cần chú trọng đẩy mạnh ứng dụng NLNT phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự xã hội.

b) Quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân chưa phù hợp với các công ước quốc tế liên quan:

Quy định tại Luật NLNT về tổng mức bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố tại nhà máy điện hạt nhân không vượt quá 150 triệu SDR. Điều này không phù hợp với quy định tại các Công ước quốc tế về bồi thường thiệt hại hạt nhân là 300 SDR hoặc 700 SDR.

c) Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy phép:

- Điểm b khoản 2 Điều 73: Chưa quy định cơ quan có thẩm quyền ban hành Danh mục nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ không phải xin cấp giấy phép

- Điểm b khoản 1 Điều 77 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế là không phù hợp, chỉ cần giao cho Sở Khoa học và Công nghệ vì đây là hoạt động cấp phép có tính chuyên môn sâu, thực tế các Sở vẫn đang được phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện. Sự không thống nhất giữa các tỉnh trong phân cấp, ủy quyền đã gây khó khăn cho công tác quản lý, công bố, thực hiện, kiểm soát và liên thông thủ tục hành chính.

- Điểm c khoản 1 Điều 77 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép chế biến quặng phóng xạ chưa phù hợp với Luật khoáng sản năm 2010. Theo Luật này, công việc chế biến quặng phóng xạ không phải là hoạt động khoáng sản. Bộ Công Thương quản lý việc chế biến khoáng sản theo điểm a khoản 9 Điều 2 Nghị định của Chính phủ số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022.

- Điểm d khoản 1 Điều 77 quy định Bộ Công Thương cấp giấy phép vận hành thử và vận hành chính thức nhà máy điện hạt nhân là chưa bảo đảm tính độc lập, tính liên tục của hoạt động quản lý nhà nước vì hai lý do: (1) Bộ Công Thương quản lý hoạt động Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); (2) Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép xây dựng, Giấy phép chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân. Quy định này gây khó khăn cho công tác quản lý toàn bộ vòng đời của nhà máy điện hạt nhân nói chung và quản lý hồ sơ, đặc biệt là hồ sơ an toàn của nhà máy điện hạt nhân nói riêng.

d) Quy định về hàng hóa có chứa chất phóng xạ:

Khoản 3 Điều 66 Luật NLNT quy định Bộ Y tế ban hành danh mục sản phẩm tiêu dùng đã chiếu xạ hoặc chứa chất phóng xạ được phép nhập khẩu và mức chiếu xạ đối với hàng hoá tiêu dùng trên cơ sở kết quả thẩm định an toàn của

cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, Luật NLNT lại chưa có quy định về việc ban hành hàng hóa chứa chất phóng xạ thuộc chức năng quản lý của các Bộ khác. Vì vậy, Luật sửa đổi cần khắc phục sự bất cập này.

d) Quy định về kiểm soát vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ:

Theo quy định tại Điều 64 Luật NLNT: Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và phải chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Quy định này cơ bản là hợp lý, duy chỉ có bất cập đối với vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4, 5 vì mức độ an toàn an ninh và tác động không quá nghiêm trọng như vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân và nguồn phóng xạ nhóm 1.

e) Quy định về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT:

- Điều 69 Luật NLNT quy định Điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đăng ký hoạt động không là phù hợp về thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư 2020.

- Khoản 3 Điều 70 Luật NLNT quy định Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Quy định Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, thu hồi, công nhận chứng chỉ là không phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2020.

Bất cập của Luật NLNT bắt nguồn từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, lần đầu tiên Việt Nam xây dựng một đạo luật để điều chỉnh toàn diện các quan hệ xã hội trong lĩnh vực NLNT (trước kia chúng ta chỉ có Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996) trong điều kiện còn thiếu chuyên gia có kinh nghiệm về xây dựng pháp luật hạt nhân nói chung và các quy định về an toàn, an ninh bức xạ và hạt nhân nói riêng.

Thứ hai, Luật NLNT có phạm vi rộng và chuyên sâu về kỹ thuật, đồng thời còn liên quan đến chính trị, xã hội, quan hệ đối ngoại, an ninh quốc gia.

Thứ ba, Luật NLNT chưa dự báo đầy đủ và kịp thời sự phát triển nhanh chóng các ứng dụng NLNT, khoa học và công nghệ bức xạ, kỹ thuật hạt nhân, hội nhập quốc tế cũng như các nguy cơ ngày càng gia tăng liên quan đến an toàn, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu và thiết bị hạt nhân. Vì vậy, một số quy định đã không đáp ứng thực tiễn quản lý, đặt ra yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung Luật NLNT.

Thứ tư, từ năm 2010, Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước quốc tế về an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân (Công ước về An toàn hạt nhân; Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, Phần sửa đổi của Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân; Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA; Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất

thải phóng xạ; Công ước về Trấn áp các hành vi khủng bố hạt nhân... Việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật NLNT để bảo đảm nội luật hóa, thực hiện nghĩa vụ và cam kết quốc gia quy định tại điều ước quốc tế.

III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT NLNT (SỬA ĐỔI)

Quá trình tổng kết hơn 15 năm thực hiện Luật đã cho thấy việc xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) là cần thiết vì:

Thứ nhất, để hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ mục tiêu phát triển các ứng dụng năng lượng nguyên tử đóng góp nhiều hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố an ninh quốc gia trong tình hình mới. Việc sửa đổi Luật NLNT góp phần thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước là hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh.

Thứ hai, yêu cầu thống nhất, đồng bộ và hài hòa giữa Luật NLNT và nhiều pháp luật liên quan khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Quy hoạch (2017), Luật Đầu tư (2020), Luật Xây dựng (2014; sửa đổi, bổ sung 2020), Luật Khoáng sản (2010; sửa đổi, bổ sung 2018), Luật Dược (2016), Luật Bảo vệ môi trường (2020),... nhằm không để phát sinh chồng chéo, chưa thống nhất, bất cập trong quản lý nhà nước và triển khai thực hiện.

Thứ ba, trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân: Công ước về An toàn hạt nhân (2010); Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA (2012); Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và Phần sửa đổi (2012); Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ (2014). Việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế đặt ra yêu cầu nội luật hóa, hoàn thiện chính sách, pháp luật NLNT để bảo đảm thực thi nghĩa vụ và cam kết quốc gia của Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Dự án xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) nhằm mục tiêu chính sau:

1. Thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển NLNT vì mục đích hòa bình, bảo đảm an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân.

2. Phù hợp với Hiến pháp năm 2013, các luật hiện hành có liên quan nhằm bảo đảm hài hòa và thống nhất của Luật NLNT (sửa đổi) trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

3. Khắc phục triệt để những tồn tại, bất cập, hạn chế, mâu thuẫn, chồng chéo của quy định và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật NLNT 2008.

V. CÁC VẤN ĐỀ TỔNG THỂ CẦN GIẢI QUYẾT

1. Xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) tổng hợp (bao gồm các quy định về đẩy mạnh phát triển ứng dụng NLNT và các quy định về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân, bồi thường hạt nhân, quản lý nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân) thay thế cho Luật NLNT;

2. Kế thừa những quy định hợp lý, có tính nguyên tắc của Luật NLNT năm 2008; chuyển những quy định quá chi tiết hoặc mang tính kỹ thuật, quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng vào các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Luật theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

3. Nghiên cứu các quy định liên quan tại Hiến pháp 2013, các luật hiện hành có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian từ 2009 đến nay, đặc biệt mối quan hệ và ảnh hưởng của các luật đó đến Luật NLNT để bảo đảm các quy định của Luật NLNT (sửa đổi) hài hòa, thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Dự báo sự phát triển của NLNT (như tái khởi động chương trình điện hạt nhân, điện hạt nhân nội, công nghệ lò phản ứng module SMR,...) để bảo đảm tuổi thọ lâu dài của Luật.

5. Áp dụng phù hợp các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu, hướng dẫn của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), hướng dẫn của IAEA về bố cục và nội dung của Luật hạt nhân; Tham khảo Luật về NLNT, an toàn bức xạ và hạt nhân và các luật liên quan của một số nước, đặc biệt các nước có trình độ phát triển NLNT tương đồng. Trong đó, Luật NLNT (sửa đổi) phải bảo đảm 11 nguyên tắc của Luật hạt nhân theo khuyến cáo của IAEA là:

- (a) Nguyên tắc an toàn (*The safety principle*);
- (b) Nguyên tắc an ninh (*The security principle*);
- (c) Nguyên tắc trách nhiệm (*The responsibility principle*);
- (d) Nguyên tắc cho phép (*The permission principle*);
- (đ) Nguyên tắc kiểm soát liên tục (*The continuous control principle*);
- (e) Nguyên tắc bồi thường (*The compensation principle*);
- (g) Nguyên tắc phát triển bền vững (*The sustainable development principle*);
- (h) Nguyên tắc tuân thủ (*The compliance principle*);

- (i) Nguyên tắc độc lập (*The independence principle*);
- (j) Nguyên tắc minh bạch (*The transparency principle*);
- (k) Nguyên tắc hợp tác quốc tế (*The international co-operation principle*).

6. Thực hiện cam kết nội luật hóa các điều ước quốc tế trong lĩnh vực NLNT mà Việt Nam đã tham gia về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân: Công ước về An toàn hạt nhân (CNS), Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA (AP), Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ (Joint Convention), Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phân sửa đổi của Phân sửa đổi (CPPNM/A).

VI. CÁC CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Sau khi tổng kết và phân tích hiện trạng của việc thi hành Luật NLNT, Bộ KH&CN đã xác định 06 vấn đề cần ưu tiên phân tích, đánh giá theo một phương pháp có hệ thống, trong đó mỗi vấn đề khi phân tích, đánh giá sẽ bao gồm giải pháp giữ nguyên hiện trạng (nghĩa là không thay đổi quy định hiện hành trong Luật) và tối thiểu 01 giải pháp được đề xuất để giải quyết hạn chế, bất cập của quy định. Từ đó, các phân tích sẽ được thực hiện trên cơ sở đánh giá tác động của sự thay đổi, nghĩa là phải so sánh tác động của các giải pháp đề xuất với giải pháp giữ nguyên hiện trạng để tìm hiểu rõ tác động của việc thay đổi, qua đó làm rõ và khẳng định giải pháp đề xuất.

Các vấn đề được phân tích, đánh giá trong dự thảo Báo cáo cũng đáp ứng tiêu chí của chính sách cần được sửa đổi, bổ sung trong lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi), bao gồm:

- Chính sách 1: Thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT, coi trọng năng lượng hạt nhân, chế tạo thiết bị, hợp tác quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực;
- Chính sách 2: Bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân và vật liệu hạt nhân;
- Chính sách 3: Thanh sát và không phổ biến vũ khí hạt nhân;
- Chính sách 4: Quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;
- Chính sách 5: Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân;
- Chính sách 6: Quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT (Khai báo, đăng ký, cấp giấy phép, cấp chứng chỉ; Thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo);

Một số chính sách được kế thừa từ các quy định của Luật NLNT 2008 và một

số chính sách được điều chỉnh, bổ sung mới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, toàn diện ứng dụng NLNT. Những vấn đề được lựa chọn đưa vào Báo cáo đánh giá tác động chính sách mang tính tiêu biểu, thực tiễn của công tác QLNN và hoạt động triển khai ứng dụng NLNT, có ảnh hưởng và tác động tới nhiều đối tượng liên quan.

Đối với từng chính sách, Bộ KH&CN đã thực hiện đánh giá theo quy trình: xác định vấn đề bất cập hiện tại (nêu rõ tác động và nguyên nhân), đưa ra các mục tiêu chính sách, đề xuất phương án dự kiến để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động có thể (bao gồm kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật) đối với phương án chính sách dự kiến.

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

I. CHÍNH SÁCH 1: THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NLNT

1. Xác định vấn đề bất cập

a) Các chính sách, quy định còn thiếu

- Luật NLNT được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018) có quy định “*Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, được lập trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, đề ra định hướng cơ bản dài hạn và xác định các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể phát triển, ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình.*”

Tuy nhiên trong Luật NLNT chưa có quy định về xây dựng chiến lược phát triển ứng dụng NLNT, nội dung cùng với việc phân công trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược.

- Luật NLNT được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018). Tuy nhiên có một số quy định còn chưa có, bao gồm:

+ Về quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT: Chưa có quy định về quy trình lập quy hoạch; Chưa có quy định về nguồn kinh phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch

+ Về quy hoạch phát triển điện hạt nhân: chưa có quy định về cơ sở xây dựng quy hoạch; cơ quan chủ trì lập quy hoạch.

+ Chưa có quy định về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển phát triển, ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển điện hạt nhân

b) Các chính sách quy định chưa toàn diện để triển khai đầy đủ trong thực tế

- Về đầu tư và tăng cường xã hội hóa:

Khoản 1 Điều 5 của Luật NLNT có quy định “*Đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực NLNT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.*” Mới quy định về chính sách đầu tư cho phát triển điện hạt nhân; đầu tư cơ sở vật kỹ thuật và nguồn nhân lực cho đảm bảo an toàn, an ninh.

Trong thời gian qua, chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực y tế đã được triển khai và có kết quả, hiệu quả nhất định. Đầu tư khu vực tư nhân đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế về xạ trị (máy gia tốc điện tử LINAC, xạ trị áp sát, dao gamma, ...), điện quang và y học hạt nhân (PET/CT, SPECT/CT). Tuy nhiên, việc đầu tư trang bị các thiết bị lớn như xạ trị proton và một số kỹ thuật công nghệ cao vẫn cần có vai trò dẫn dắt của nhà nước. Đầu tư của tư nhân trong lĩnh vực chiếu xạ công nghiệp đã được triển khai mạnh mẽ, phát huy hiệu quả đối với hoạt động xuất khẩu thủy hải sản, sản phẩm nông nghiệp, trái cây. Hiện tại trên cả nước đang có 11/13 cơ sở chiếu xạ công nghiệp là doanh nghiệp tư nhân với tổng số 16/20 thiết bị chiếu xạ (nguồn Co-60 và máy gia tốc điện tử). Vì vậy, trong giai đoạn tới cần đẩy mạnh cơ chế xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư mở rộng ứng dụng NLNT.

- Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT:

Điều 17 Luật NLNT quy định: “*Nhà nước có chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng NLNT trong lĩnh vực kinh tế - xã hội*”.

Quy định này đã được triển khai trong nhiều năm ở các chương trình phát triển KH&CN cấp quốc gia của Bộ KH&CN đối với nhiều lĩnh vực bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong đó có lĩnh vực NLNT. Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh của thiết bị công nghệ bức xạ và hạt nhân ứng dụng trong y tế, công nghiệp và các ngành kinh tế-xã hội khác nên các yêu cầu nội địa hóa, tăng cường năng lực chế tạo, sản xuất trở nên cấp bách. Quy định tại Điều 17 Luật NLNT chưa thể hiện trực diện vấn đề này.

- Về phát triển nguồn nhân lực:

Điều 16 của Luật NLNT có quy định về phát triển nguồn nhân lực như sau:

“1. *Nhà nước có chương trình đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, đặc biệt là chuyên gia có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và bảo đảm an toàn, an ninh trong lĩnh vực NLNT.*

2. *Nhà nước có chính sách ưu đãi, thu hút chuyên gia có trình độ cao trong và ngoài nước làm việc trong lĩnh vực NLNT.*

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế tham gia thực hiện chương trình đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực quy định tại khoản 1 Điều này.”

Trong thời gian triển khai 02 dự án điện hạt nhân (ĐHN) Ninh Thuận từ 2008-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cử hơn 400 sinh viên đi đào tạo tại một số trường đại học chuyên ngành của LB Nga, Bộ KH&CN và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) của Bộ Công thương đã cử hàng trăm lượt cán bộ đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm về công nghệ ĐHN và các ngành liên quan tại châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc, cử hàng chục cán bộ đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Nhật Bản, Hàn Quốc và LB Nga. Đồng thời, 05 trường đại học, bao gồm Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Điện lực, Đại học Khoa học Tự nhiên TpHCM và Đại học Đà Lạt, đã được đầu tư trang thiết bị, chuyên gia nước ngoài, tài liệu và chương trình đào tạo cùng với chính sách ưu tiên, ưu đãi để thu hút sinh viên vào học ngành NLNT và công nghệ ĐHN. Điều này đã góp phần tăng cường đáng kể nhân lực của ngành, trong số đó nhiều cử nhân, kỹ sư và những cán bộ có chuyên môn cao về làm việc tại các viện trực thuộc Viện Năng lượng nguyên tử VN, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ KH&CN), Tập đoàn Điện lực VN, Viện Năng lượng (Bộ Công thương), trở thành cán bộ giảng dạy tại các khoa của một số trường đại học lớn trên cả nước. Tuy nhiên, sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 31/2016/QH14 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận thì việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực trong lĩnh vực NLNT nói chung gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế và tài chính, dẫn đến sự suy giảm chất lượng nguồn nhân lực trong những năm gần đây.

Đối với các quy định tại Điều 16 Luật NLNT nên có sự thay đổi về khái niệm cũng như nhận thức liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, cụ thể: (1) khái niệm “chuyên gia có trình độ cao” thường dẫn đến suy nghĩ về người có học hàm, học vị cao. Điều này không sai nhưng chưa toàn diện, chưa phản ánh đúng thực tiễn trong hoạt động khoa học và công nghệ vì có những cán bộ không có học hàm, học vị cao nhưng làm việc lâu năm, chuyên tâm nên tích lũy được nhiều kinh nghiệm, hiểu biết và kỹ năng trong một hoặc một số vấn đề, khía cạnh, đặc thù công nghệ để đạt đến trình độ, năng lực chuyên gia, nghĩa là hơn hẳn những đồng nghiệp cùng đơn vị, cùng ngành nghề; (2) khái niệm “đào tạo chuyên gia có trình độ cao” là không chuẩn xác vì chuyên gia chỉ có thể đạt được bằng con đường tự học, tự đào tạo, rèn luyện để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng, trưởng thành trong công việc một cách tận tâm, trách nhiệm (sau quá trình học tập, đào tạo ở bậc đại học hoặc sau đại học như những đồng nghiệp khác).

2. Mục tiêu của Chính sách

Dự án xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) nhằm mục tiêu chính sau:

Xây dựng đạo luật có khả năng tác động tích cực, hiệu quả tới công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh và các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT theo cách tiếp cận toàn diện, bao gồm tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội, từ đó thúc đẩy vai trò của NLNT đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Mục tiêu của chính sách nhằm:

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao vai trò quản lý nhà nước về phát triển ứng dụng NLNT

Thứ hai, hoàn thiện các quy định của Luật phù hợp với thực tế, đẩy mạnh ứng dụng NLNT, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và năng lực kỹ thuật về nội địa hóa và chế tạo thiết bị đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Các giải pháp thực hiện chính sách

Có 2 phương án giải pháp thực hiện chính sách

Phương án 1: Giữ nguyên quy định về các biện pháp thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT.

Phương án 2: Chính sửa, bổ sung quy định để thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT, cụ thể:

a) Bổ sung Điều về Chiến lược phát triển ứng dụng NLNT bao gồm quy định về nội dung, tầm nhìn và phân công trách nhiệm xây dựng Chiến lược phát triển, ứng dụng NLNT.

b) Chính sửa, bổ sung quy định về nội dung quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT; quy hoạch phát triển điện hạt nhân; việc điều chỉnh quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển điện hạt nhân.

c) Chính sửa, bổ sung quy định về đầu tư, tăng cường xã hội hóa cho phát triển ứng dụng NLNT.

d) Chính sửa, bổ sung quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT.

đ) Chính sửa quy định về phát triển nguồn nhân lực.

4. Đánh giá tác động của chính sách

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định về các biện pháp thúc đẩy phát triển, ứng dụng NLNT.

a). Tác động về kinh tế, xã hội:

Tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT: không có.

Hạn chế:

- Đối với Nhà nước: hiệu quả công tác quản lý nhà nước bị ảnh hưởng do hành lang pháp lý chưa được quy định đầy đủ liên quan đến công tác xây dựng Chiến lược phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển ĐHN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: thiếu các chính sách, quy định để thúc đẩy phát triển bền vững ứng dụng NLNT thông qua nhiệm vụ xây dựng Chiến lược, quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và năng lực nội địa hóa, chế tạo thiết bị.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Phương án không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Hệ thống pháp luật không đáp ứng và theo kịp sự phát triển của công nghệ bức xạ và hạt nhân để giải quyết vướng mắc, tồn tại hiện nay.

4.2. Phương án 2: Chính sửa, bổ sung quy định để thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT như đã nêu ở mục I.3.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

Tích cực:

- Đối với Nhà nước: Bổ sung các quy định còn thiếu, khắc phục những vướng mắc khó khăn trong công tác xây dựng Chiến lược, quy hoạch trong lĩnh vực NLNT; hoàn thiện các chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy phát triển bền vững ứng dụng NLNT và phát triển tiềm lực KH&CN hạt nhân quốc gia.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: tạo động lực cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT, góp phần triển khai mạnh mẽ các ứng dụng NLNT trong các ngành kinh tế-xã hội, giúp cho người dân được thụ hưởng rộng rãi các thành

tự của khoa học và công nghệ hạt nhân; được tiếp cận với môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng NLNT.

Hạn chế:

Đối với Nhà nước: Tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật; Rà soát, phân bổ nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển ứng dụng NLNT.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc áp dụng các quy định không làm tăng điều kiện với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: Giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nội dung được giao trong Luật.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: Giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
- Tương thích với các điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 2** - là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững các ứng dụng NLNT.

II. CHÍNH SÁCH 2: BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH LIÊN QUAN ĐẾN THANH LÝ NGUỒN PHÓNG XẠ

Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động ứng dụng NLNT là nhiệm vụ trọng tâm của công tác QLNN, trong đó nguồn phóng xạ là một trong những loại hình được sử dụng rộng rãi nhất của ứng dụng bức xạ, có mặt trong tất cả các lĩnh vực từ công nghiệp, y tế cho đến nông nghiệp, tài nguyên môi trường, xây dựng và các hoạt động nghiên cứu.

Nguồn phóng xạ có hai đặc tính vật lý cơ bản là hoạt độ phóng xạ (liên quan trực tiếp đến liều bức xạ - là chỉ số cho biết mức độ nguy hiểm của bức xạ

đôi với con người và môi trường) và thời gian bán rã. Sự suy giảm hoạt độ gắn liền với thời gian bán rã. Đa số các nguồn phóng xạ đang được sử dụng có phổ thời gian bán rã thay đổi rất rộng từ hàng chục, hàng trăm năm (ví dụ: nguồn Am^{241} ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp; nguồn Cs^{137} ứng dụng trong chiếu xạ y tế) cho đến một vài giờ (ví dụ: nguồn Tc^{99m} , FDG-F^{18} - là các dược chất phóng xạ, ứng dụng trong y học hạt nhân). Đối với các nguồn phóng xạ sống ngắn, sau một khoảng thời gian sử dụng hoạt độ phóng xạ suy giảm nhanh, khi đạt đến mức thanh lý trở xuống thì không còn khả năng gây chiếu xạ ngoài ảnh hưởng tới con người, môi trường, và có thể xem xét ứng xử như chất thải không phóng xạ thông thường.

Báo cáo này tập trung phân tích tác động chính sách về thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, theo số liệu của Cục ATBXHN, nguồn phóng xạ đang được sử dụng rộng rãi và hiệu quả trong hai lĩnh vực công nghiệp và y tế, trong số đó nguồn Ir-192^1 ứng dụng trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT) và xạ trị áp sát được quản lý với số lượng tương đối lớn, lên đến hàng nghìn nguồn, bao gồm từ các nguồn đang được sử dụng, đang lưu giữ (từ nhiều năm nay) và đã chuyển trả lại nhà sản xuất (do đã hết hoạt độ sử dụng). Việc gửi lưu giữ tập trung hoặc xuất khẩu trả lại nhà sản xuất đều gây lãng phí nguồn lực, cụ thể:

- Đối với việc lưu giữ: gây lãng phí cơ sở vật chất kỹ thuật (phòng, kho lưu giữ, các biện pháp, quy trình bảo đảm an toàn, an ninh,...), nhân lực (người phụ trách, quản lý, kiểm đếm các nguồn lưu giữ), các chi phí phát sinh liên quan. Trường hợp gửi nguồn phóng xạ đi lưu giữ tại các cơ sở lưu giữ tập trung: cần thêm chi phí cho việc thỏa thuận lưu giữ nguồn, nhân lực chuẩn bị các hồ sơ cấp phép liên quan (vận chuyển, lưu giữ); nguồn lực, thiết bị, con người của cơ sở lưu giữ trong quản lý nguồn phóng xạ.

- Đối với việc xuất khẩu trả lại nhà sản xuất: gây lãng phí chi phí xuất khẩu, vận chuyển trong nước và quốc tế; nhân lực, trang thiết bị liên quan đến việc áp tải trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra, việc phải thỏa thuận với nhà sản xuất về tiếp nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng sẽ làm tăng giá mua ban đầu.

Điều 31 Luật NLNT đã quy định lưu giữ và thanh lý vật thể bị nhiễm bản phóng xạ, đồng thời quy định trách nhiệm của Bộ KH&CN đối với việc hướng dẫn nội dung “Mức miễn trừ khai báo, cấp phép, mức thanh lý, thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, vật thể bị nhiễm bản phóng xạ” tại Điều 33, khoản 1, điểm (l). Tuy nhiên, Luật NLNT chưa quy

¹ Chu kỳ bán rã của đồng vị Ir-192 là 73,8 ngày

định việc thanh lý nguồn phóng xạ. Trong văn bản hướng dẫn tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN² hiện mới chỉ quy định mức thanh lý cho chất thải phóng xạ/vật thể nhiễm bản phóng xạ. Cụ thể, mức thanh lý được định nghĩa trong Thông tư 22/2014/TT-BKHCN là: “*giá trị nồng độ hoạt độ của các nhân phóng xạ mà khi chất thải chứa các nhân phóng xạ có nồng độ hoạt độ nhỏ hơn hoặc bằng giá trị đó sẽ được coi là không gây nguy hại bức xạ đối với con người và môi trường và được quản lý như chất thải không phóng xạ*”. Định nghĩa này chỉ áp dụng cho chất thải phóng xạ hoặc vật thể nhiễm bản phóng xạ, chưa có định nghĩa mức thanh lý cho nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và cũng chưa có quy định/hướng dẫn/quy trình cụ thể đối với việc thanh lý nguồn phóng xạ.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần hoàn thiện các quy định và hướng dẫn liên quan trong lĩnh vực NLNT, từ đó nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ;

b) Tiết kiệm, tối ưu nguồn lực, kinh phí cho cơ sở tiến hành công việc bức xạ và cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định trong Luật và các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan (nguồn phóng xạ khi phân rã đến mức dưới thanh lý có thể được xử lý như chất thải không phóng xạ thông thường).

Theo đó, bên cạnh việc lưu giữ và thanh lý vật thể bị nhiễm bản phóng xạ, Luật NLNT sẽ bổ sung quy định về việc thanh lý nguồn phóng xạ; đồng thời xây dựng bổ sung các quy định về mức thanh lý cho nguồn phóng xạ; cũng như các quy định, hướng dẫn về thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, trong đó phân công cụ thể đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ cũng như cơ quan/đơn vị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý quá trình này (Bộ KH&CN). Như vậy, cơ sở tiến hành công việc bức xạ trước khi thanh lý nguồn phóng xạ sẽ phải thực hiện thủ tục thanh lý với cơ quan quản lý.

3.3. Phương án 3: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan như ở phương án 2.

Theo đó, Luật NLNT sẽ bổ sung quy định về việc thanh lý nguồn phóng xạ (tương tự như phương án 2). Tuy nhiên, Chính phủ sẽ không quy định các thủ tục

² Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, mà chỉ ban hành hướng dẫn về quy trình thanh lý nguồn phóng xạ, quy định trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý khi cơ sở thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ. Như vậy, cơ sở tự thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ (căn cứ theo hướng dẫn) và có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.

- Hạn chế: Vì chưa có quy định rõ ràng mức thanh lý cho các nguồn phóng xạ, các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng vẫn cần phải được lưu giữ lâu dài hoặc chuyển trả lại nhà sản xuất. Việc này dẫn đến việc lãng phí nguồn lực, chi phí để quản lý/xuất khẩu các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng như phân tích ở trên.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối với xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

- Hạn chế:

+ Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ, bao gồm: quy định mức thanh lý và hướng dẫn quy trình thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

+ Chưa phù hợp với hướng dẫn của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA).

4.2. Phương án 2:

a) Tác động về kinh tế

- Theo thống kê của Cục ATBXHN, chỉ riêng trong năm 2023, Cục đã cấp giấy phép xuất khẩu cho khoảng 100 nguồn phóng xạ Ir-192 đã qua sử dụng trả

về nhà sản xuất³. Theo quy định tại Thông tư 287/2016/TT-BTC⁴ ngày 15/11/2016 và Thông tư số 116/2021/TT-BTC⁵ ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tổng mức thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận chuyển, xuất khẩu nguồn phóng xạ là 1,5 triệu đồng. Ngoài ra, để xuất khẩu nguồn phóng xạ trả lại nhà sản xuất, cơ sở tiến hành công việc bức xạ sẽ phải mất các chi phí liên quan đến vận chuyển quốc tế, thuê người áp tải, đo đánh giá an toàn trong quá trình vận chuyển, thuê phương tiện vận chuyển trong nước, kho bãi trong quá trình vận chuyển, ... Theo thông tin khảo sát từ các đơn vị nhập khẩu nguồn phóng xạ được cấp giấy phép, tổng chi phí ước tính trung bình để xuất khẩu 01 nguồn là khoảng 10 triệu đồng. Như vậy, nếu quy định về mức thanh lý cho nguồn phóng xạ được ban hành, có thể tiết kiệm kinh phí khoảng 1 tỷ đồng cho doanh nghiệp. Ngoài ra các doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn lực đáng kể cho việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu nguồn phóng xạ và các chi phí khác. Con số này có thể sẽ tăng hơn nữa trong các năm tiếp theo do nhu cầu sử dụng ngày càng cao của loại hình công việc chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, xạ trị áp sát và nguồn đã qua sử dụng từ các ứng dụng khác. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước cũng phải phân bổ nguồn lực và chi phí (chi phí chưa tính toán định lượng cụ thể được) để thực hiện các công việc liên quan đến xử lý hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính theo đề nghị của các cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi thực hiện các thủ tục xuất khẩu nguồn phóng xạ đã qua sử dụng để trả lại nhà sản xuất.

- Phần kinh phí trên chưa tính đến việc giảm giá mua nguồn phóng xạ do nhà cung cấp nước ngoài không phải nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Bên cạnh đó còn giảm được nguồn lực, kinh phí liên quan đến việc xử lý hồ sơ của Cơ quan quản lý nhà nước cũng như chi phí quản lý/lưu giữ (liên quan đến yêu cầu bảo đảm an toàn an ninh nguồn phóng xạ đã qua sử dụng).

- Cơ sở tiến hành công việc bức xạ có thêm lựa chọn trong việc quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Bên cạnh việc chuyển nguồn đi lưu giữ tập trung hoặc chuyển trả nhà sản xuất, cơ sở có thể lựa chọn lưu giữ nguồn tại chỗ một thời gian cho đến khi hoạt độ nguồn phân rã tới dưới mức thanh để có thể xử lý như rác thải không phóng xạ thông thường.

b) Tác động về xã hội:

³ Số liệu thống kê từ hoạt động cấp phép của Cục ATBXHN.

⁴ Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực NLNT.

⁵ Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 287/2016/TT-BTC.

Khi phải thực hiện các thủ tục liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ, cơ sở tiến hành công việc sẽ chủ động quản lý, kiểm kê, đánh giá hoạt độ của các nguồn phóng xạ, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp này sẽ giúp giảm chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến việc vận chuyển, xuất khẩu (trả lại nhà sản xuất) các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng hoặc phải lưu giữ lâu dài tại cơ sở lưu giữ tập trung.

- Phát sinh thêm thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ;

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Cần bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này;

- Cần xây dựng, bổ sung các quy định về mức thanh lý, thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý nguồn phóng xạ trong tất cả giai đoạn từ sử dụng, vận chuyển, lưu giữ cho đến khi thanh lý bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm của cơ quan quản lý và lợi ích của cơ sở.

4.3. Phương án 3:

a) Tác động về kinh tế:

- Cơ bản như phân tích ở phương án 2;

- Ngoài ra, còn giúp tiết kiệm nguồn lực, chi phí liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ.

b) Tác động về xã hội:

Tương tự như phương án 2.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp không phát sinh thêm thủ tục hành chính: do Cơ quan quản lý nhà nước không thực hiện việc thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, chỉ yêu cầu Cơ sở tiến hành công việc bức xạ gửi thông báo về việc thanh lý nguồn phóng xạ (tương tự như quy định đối với nguồn phóng

xạ, thiết bị bức xạ thuộc mức miễn trừ khai báo, cấp phép). Cơ sở thực hiện quy trình thanh lý theo mức thanh lý đã quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước, thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước để biết, theo dõi và cập nhật hệ thống. Ví dụ: các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng có thời gian sống ngắn như Ir 192 thông thường thông tin về hồ sơ nguồn tương đối rõ ràng, trên cơ sở thông tin trên chúng chỉ nguồn phóng xạ của nhà sản xuất và mức thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quy định và hướng dẫn về quy trình thanh lý và việc lưu hồ sơ thì việc đề xuất phương án để Cơ sở chủ động tiến hành việc thanh lý nguồn và thông báo đến Cơ quan quản lý nhà nước là một phương án chấp nhận được.

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Cần bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này;

- Cần xây dựng các quy định về mức thanh lý, ban hành văn bản Hướng dẫn về quy trình thanh lý và quy định trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý khi cơ sở tiến hành công việc bức xạ thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan. Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực về xã hội, hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm quản lý an toàn, an ninh của cơ quan quản lý và lợi ích của cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong hoạt động quản lý, thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

III. CHÍNH SÁCH 3: THANH SÁT VÀ KHÔNG PHỔ BIẾN HẠT NHÂN

1. Xác định vấn đề bất cập

Thanh sát hạt nhân là việc kiểm soát sử dụng vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và hoạt động khác có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân. Thanh sát hạt nhân do Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) áp dụng là một yếu tố quan trọng của cơ chế không phổ biến vũ khí hạt nhân toàn cầu. Cơ sở pháp lý cho việc thanh sát hạt nhân của IAEA bao gồm Quy chế của IAEA, các hiệp ước yêu cầu xác minh các cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân, các hiệp ước liên quan khác, các tài liệu thanh sát cơ bản, các thỏa thuận thanh sát và các nghị định

thư liên quan cũng như các hướng dẫn liên quan đến việc thực hiện các thanh sát của IAEA; trong đó các quốc gia thành viên hoặc tham gia được yêu cầu nội luật hóa các nghĩa vụ quốc gia của mình.

Việt Nam đã phê chuẩn và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ, cam kết trong vai trò thành viên của nhiều điều ước quốc tế quan trọng về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân như Hiệp ước không phổ biến hạt nhân (NPT) năm 1982, Công ước về cảnh báo sớm sự cố hạt nhân năm 1987, Hiệp định Thanh sát toàn diện giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) theo Hiệp ước không phổ biến hạt nhân năm 1989 (sau đây gọi là Hiệp định Thanh sát) và Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát phê chuẩn năm 2012 (sau đây gọi là Nghị định thư bổ sung), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á phi hạt nhân, Hiệp ước về cấm thử hạt nhân toàn diện năm 2006, Bộ quy tắc ứng xử về an toàn, an ninh nguồn phóng xạ năm 2006, Công ước An toàn hạt nhân năm 2010, Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phần sửa đổi (CPPNM/A) năm 2012, Công ước chung về quản lý an toàn nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và chất thải phóng xạ năm 2013, Công ước về ngăn chặn các hành động khủng bố hạt nhân năm 2016.

Việt Nam đang vận hành 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 500kW đặt tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và 02 cơ sở hạt nhân có liên quan đến hoạt động nghiên cứu, lưu giữ vật liệu hạt nhân (Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân, Viện Công nghệ xạ hiếm). Các cơ sở này trực thuộc Viện NLNTVN, chịu sự thanh sát của IAEA về sử dụng, vận chuyển và lưu giữ nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân theo Hiệp định Thanh sát và Nghị định thư bổ sung mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Việc Luật NLNT 2008 có hiệu lực đã tạo ra cơ sở pháp lý⁶ để xây dựng các văn bản dưới Luật từng bước giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ, cam kết quốc gia của Việt Nam về thanh sát và không phổ biến hạt nhân, cụ thể:

- Quyết định số 45/2010/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động kiểm soát hạt nhân;

- Thông tư số 02/2011/TT-BKHHCN ngày 16/3/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thực hiện Kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn;

⁶ Điều 10. Kiểm soát hạt nhân:

"1. Việc kiểm soát sử dụng vật liệu hạt nhân, kiểm soát vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và kiểm soát hoạt động có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động kiểm soát hạt nhân.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, tiến hành hoạt động có liên quan phải tuân thủ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện hoạt động kiểm soát hạt nhân."